

[Shock Absorbing Castors V -Torsion spring type- Traveling speed up to 4km/h]

Bánh xe chữ V chống sốc
Dạng lò xo chống xóc (thép không gỉ)
Tốc độ di chuyển tới 4km/h



RoHS

Patent No.3689482

«Ưu điểm»

- Thiết kế độc đáo → Với lò xo ngay góc tam giác
- Lò xo xoắn giúp giảm xóc và chấn động từ mọi hướng đồng thời giảm tiếng ồn phát sinh
- An toàn và chống bụi bẩn với vỏ đặc biệt (chỉ TS4) nhiều màu: xanh lá, cam, xanh da trời, xám khói (chất liệu EVA), xám (chất liệu TPE)

«Nơi sử dụng»

- Dùng cho các thiết bị y tế
- Dùng trong vận chuyển hạng nhẹ
- Dùng cho các xe dạng toa

*Stem fitting type

* Please feel free to contact us.

Plate type

	wheel size	tread width	total height	off set	bolt hole	plate dimensions	bolt hole diameter	spring tension	load capacity/pc vpa k vpa g R N	u
TS4	50	25<18>*	77~70	23-26				~10	20	-
wire dimeter 4mm	75	25	102~95	23-27				~10	20	20
	100	25	127~120	23-31	6.3	70X43	56X28	~10	20	20
TS6	50	25<18>*	87~75	23-30	options	options	options	~40	40<30>	-
wire dimeter 6mm	75	25	112~100	30-40	8.5	72X60	55X42	~60	60<40>	50
	100	25	137~125	35-49				~70	70<50>	60

* < > when assembled with VPA Wheel

* * < > when assembled with R Wheel

Threaded Stem fitting

	wheel size	tread width	total height	off set	stem size	spring tension	load capacity/pc vpa k vpa g R N	u
TS4	50	25<18>*	79~72	23-26		~10	20	-
wire dimeter 4mm	75	25	104~99	23-27	M12 X P1.75X35	~10	20	20
	100	25	129~122	23-31		~10	20	20
TS6	50	25<18>*	89~77	23-30	options	~40	40<30>	-
wire dimeter 6mm	75	25	114~102	30-40	unf: 1/2 × 20 $\frac{1}{16}$ × 20	~60	60<40>	50
	100	25	139~127	35-49	wit: 3/8 × 16 $\frac{1}{16}$ × 20	~70	70<50>	60

* < > when assembled with VPA Wheel

* * < > when assembled with R Wheel



WHEELS



VPA K(SBR)

JBB

VPA G (UR/Green)

R(SBR)

U(UR)

N(Nylon6)

[Shock Absorbing Castors I -A -Center coil spring type-
Travering spead up to 4km/h Towing speed up to 10km/h]

Bánh xe chống sốc I-A Dạng lò xo ở tâm
Tốc độ di chuyển tới 4km/h Tốc độ kéo đến 10km/h



RoHS

Patent No.3689482 Wheel:W/UW/SST/SPM

«Ưu điểm»

- Lò xo trung tâm giúp giảm xóc và chấn động từ mọi hướng (Sáng chế số 3689482) đồng thời giảm tiếng ồn phát sinh

«Nơi sử dụng»

- Dùng cho các thiết bị y tế
- Dùng trong vận chuyển hạng nhẹ
- Dùng cho các xe dạng toa

	wheel size	tread width	total height	off set	bolt hole	plate dimensions swivil +stopper	fixed +stopper	hole centers swivil +stopper	fixed +stopper	spring tension	load capacity/pc W SST	UW	SPM
Traveling speed up to 4km/h	100	35	153~145	12	11	95X95	104 × 80	71X71	80X45	10~60	100	180	—
	150	45	210~198	20	11.5	120X120	120 × 93	90X90	100X56	20~110 <20~80>*	150	300	80
	200	45	260~250	20	11.5	140X140	140 × 102	112X112	112X63	20~110 <20~80>*	250	400	100
Towing speed up to 10km/h	150	45	250~235	20	11.5	140X140	140 × 102	112X112	112X63	20~120	150	150	—
	200	45	275~260	20	11.5	140X140	140 × 102	112X112	112X63	20~180	200	200	—

* < > When assembled with SPM wheel.

[Shock Absorbing Castors I -B -Center coil spring type- Towing speed up to 20km/h]

Bánh xe chống sốc I-B Loại lò cuộn cao tốc
Tốc độ kéo đến 20km/h



RoHS

Patent No.4651658 Wheel:SST/TRAW

«Ưu điểm»

- Có tốc độ kéo đến 20km/h (dữ liệu tham khảo trong thí nghiệm của chúng tôi)
- Giảm xóc và chấn động khi di chuyển, giảm tiếng ồn phát sinh

«Nơi sử dụng»

- Dùng cho các xe kéo tốc độ cao
- Dùng trong vận chuyển thiết bị, linh kiện dễ vỡ

	wheel size	tread width	totalheight	off set	bolt hole	plate dimensions swivil +stopper	fixed +stopper	hole centers swivil +stopper	fixed +stopper	spring tension	load capacity /pc SST/TRAW
	200	45	275~255	100-102	11.5	140X140	140X140	115X115 ~ 105X105	112X11 ~ 112X63	30~250	250

WHEELS



W(SBR)

JBB

SST(NR)

JBB

UW(UR)

JBB

TRAW

JBB

SPM (NR/BR)

JBB